



bǎo zuò

宝座

noun · throne

Example Sentences

Guó wáng zuò zài bǎo zuò shàng

国王坐在宝座上。

The king sits on the throne.

Tā mèng xiǎng dēng shàng guān jūn bǎo zuò

他梦想登上冠军宝座。

He dreams of ascending to the champion's throne.

Trace each character, then write the word on your own.

宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝
座	座	座	座	座	座	座	座	座	座	座
座	座									